TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2026
V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Hằng

Bà Trần Thị Diệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Địa chỉ: thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 0201910008149, ngày cấp: 07/9/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn T1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước số: 020090007875, ngày cấp:07/9/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn T1 có quen biết và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2009, có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn. Sau tổ chức lễ cưới vợ chồng chung sống tại cùng gia đình anh Dương Văn T1 tại xã V, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn xảy ra. Tuy nhiên, sau khi chị Nguyễn Thị T sinh con chung thì vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì anh Dương Văn T1 hay nóng nảy, vợ chồng bất đồng quan điểm trong nuôi dạy con cái, nên dần dần anh Dương Văn T1 uống rượu say rồi gây gổ, tìm mọi lý do để chửi mắng chị. Đến năm 2022 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không nói chuyện được với nhau nữa, thậm chí có lần chị đã đi ngủ anh Dương Văn T1 kéo dậy và đánh chị. Đầu năm 2025 chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở, sau khi được gia đình khuyên bảo thì chị quay về, nhưng anh Dương Văn T1 vẫn không thay đổi. Đến tháng 6/2025 chị không chịu đựng được nữa nên chị về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay, vợ chồng không quan tâm nhau nữa. Nay xác định tình cảm không còn, chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn T1.

Về con chung: Có 02 người con chung là cháu Dương Thị Bảo A, sinh ngày 21/09/2010 và cháu Dương Thị An T2, sinh ngày 01/12/2014. Hiện nay hai con đang ở với anh Dương Văn T1. Khi ly hôn chị để lại cho anh Dương Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Dương Văn T1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn)/1 người/1 tháng. Tổng cộng mỗi tháng chị cấp dưỡng cho 02 con là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Dương Văn T1 nhưng anh không đến Tòa án trình bày ý kiến. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh Dương Văn T1 vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh các nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Tại biên bản xác minh ngày 15/12/2025, bà La Thị B (là mẹ của anh Dương Văn T1) cho biết: Anh Dương Văn T1 và chị Nguyễn Thị T kết hôn từ năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi các con kết hôn chị Nguyễn Thị T về sinh sống với gia đình bà. Trong quá trình chung sống giữa anh Dương Văn T1 và chị Nguyễn Thị T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Dương Văn T1 đọc được tin nhắn của chị Nguyễn Thị T với người đàn ông khác và chê anh Dương Văn T1 suốt ngày uống rượu. Từ tháng 8/2025 chị Nguyễn Thị T không về ở cùng gia đình bà nữa. Anh Dương Văn T1 đi làm Công ty tại tỉnh Bắc Ninh, vào các ngày nghỉ, kỳ nghỉ lễ về thăm con và gia đình. Nay chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Dương Văn T1 bà không có ý kiến gì, việc hôn nhân do anh, chị quyết định. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý số 96/2025/TB-TLVA ngày 10/11/2025 và giấy triệu tập số 1340/GTT-TA ngày 10/11/2025 cho anh Dương Văn T1, bà là người nhận thay và gọi điện thông báo toàn bộ nội dung văn bản cho anh Dương Văn T1 biết. Sau khi nhận được nội dung văn bản anh Dương Văn T1 có nói là đồng ý ly hôn với chị

Nguyễn Thị T, nhưng sẽ không đến Tòa án. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn T1 có 02 con chung là Dương Thị Bảo A, sinh ngày 21/09/2010 và cháu Dương Thị An T2, sinh ngày 01/12/2014, hiện nay cháu Dương Thị Bảo A đang học lớp 10 Trường Trung học phổ thông Nội trú tỉnh L, cháu Dương An T2 học lớp 6 Trường Trung học cơ sở xã V, tỉnh Lạng Sơn. Nay anh Dương Văn T1 là người lo cho hai cháu ăn học, bà có hỗ trợ trong việc chăm sóc các cháu, chị Nguyễn Thị T không gửi tiền lo cho 02 cháu. Nay chị Nguyễn Thị T để lại hai con cho anh Dương Văn T1 nuôi dưỡng, bà sẽ hỗ trợ anh Dương Văn T1 chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi trưởng thành.

Tại công văn số 572/CV-UBND ngày 03/12/2025, Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 19/12/2009. Sau khi kết hôn sinh sống tại thôn L, xã V Trong quá trình sinh sống anh, chị chưa yêu cầu thôn, Ủy ban nhân dân xã V hòa giải mâu thuẫn lần nào. Chị Nguyễn Thị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ khoảng tháng 8/2025 đến nay. Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn T1 có 02 con chung là Dương Thị Bảo A và cháu Dương Thị An T2. Hiện tại 01 cháu đang ở với bố và ông bà nội không bị ngược đãi, có điều kiện sinh sống và học tập đầy đủ. Mức tối thiểu để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng đối với 01 trẻ em ở độ tuổi Dương Thị Bảo A và cháu Dương Thị An T2 là 3.000.000 đồng/1 tháng.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/12/2025 để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh Dương Văn T1 vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án các cháu Dương Thị Bảo A, và cháu Dương Thị An T2 đều có nguyện vọng nếu bố, mẹ ly hôn thì mong muốn được ở với bố là Dương Văn T1, việc các cháu muốn được ở với bố là tự nguyện, không bị ép buộc.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự và con chưa thành niên, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành giải thích quyền trợ giúp pháp lý miễn phí cho các đương sự nhưng không ai thuộc diện được trợ giúp pháp lý, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị được ly hôn anh Dương Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Dương Thị Bảo A, sinh ngày 21/09/2010 và cháu Dương Thị An T2, sinh ngày 01/12/2014 cho anh Dương Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 tháng/ 1 người con, tổng cộng mỗi tháng là 2.000.000 đồng/2 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn L, xã V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn T1 được tìm hiểu và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B tỉnh Lạng Sơn (nay là xã V, tỉnh Lạng Sơn), là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh Dương Văn T1 chửi mắng và đánh chị Nguyễn Thị T. Quá trình giải quyết vụ án hai bên đương sự có điều kiện hoà giải, tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh Dương Văn T1 vắng mặt, được mẹ đẻ của anh bà La Thị B xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 8/2025 đến nay, hơn nữa quá trình giải quyết vụ án anh Dương Văn T1 biết việc Tòa án triệu tập đến giải quyết vụ án nhưng anh vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến, thể hiện không có nguyện vọng đoàn tụ, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn T1 có là 02 con chung là cháu Dương Thị Bảo A, sinh ngày 21/09/2010 và cháu Dương Thị An T2, sinh ngày 01/12/2014. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay hai cháu đang ở với anh Dương Văn T1 được ông, bà nội và anh Dương Văn T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo điều kiện học hành đầy đủ, có chỗ ở ổn định, không bị ngược đãi. Quá trình giải quyết vụ án cháu Dương Thị Bảo A và cháu Dương Thị An T2 đều có nguyện vọng nếu bố, mẹ ly hôn thì hai cháu muốn được ở với bố. Do đó giao cho anh Dương Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục hai con cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án anh Dương Văn T1 vắng mặt nên không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 tháng/ 1 người con, tổng cộng mỗi tháng là 2.000.000 đồng/2 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại công văn số 572/UBND-VP ngày 03/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã V cho biết mức tối thiểu để đảm bảo nuôi dạy, chăm sóc trẻ em tại địa phương trong độ tuổi của các cháu Dương Thị Bảo A và cháu Dương Thị An T2 khoảng 3.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, mức cấp dưỡng chị Nguyễn Thị T cũng phù hợp với thực tế tại địa phương và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Thời điểm cấp dưỡng tính từ thời điểm xét xử. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273; điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84; 107; 110; 116 117 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dương Văn T1

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thị Bảo A, sinh ngày 21/09/2010 và cháu Dương Thị An T2, sinh ngày 01/12/2014 cho anh Dương Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Thị Bảo A

và cháu Dương Thị An T2 mỗi người 1.000.000 đồng/ 1 tháng, tổng cộng 2.000.000 đồng/tháng/2 người con. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Dương Thị Bảo A và cháu Dương Thị An T2 đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Bên được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành chậm trả tiền cấp dưỡng hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000807 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Nguyễn Thị T phải nộp tiếp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Vũ Lăng, Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Thị Mỹ Phước